

**Q ĐỊNH**

**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải Q toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 93/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải Q toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**Q ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần P (OCB);** Địa chỉ: Số 45 L, phường B1, quận I, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị B - Chức vụ: Giám đốc Trung tâm bán lẻ Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh T1; Địa chỉ: Số 34-36 Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đ (*Giấy ủy quyền số 40/2019/UQ-CT.HĐQT ngày 04/11/2019 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần P*).

Người đại diện theo ủy quyền lại:

1/ Ông Đinh Văn Q - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Thương mại cổ phần P - Chi nhánh T1.

2/ Ông Lê Đình V - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ Thương mại cổ phần P - Chi nhánh T1.

Cùng địa chỉ: Số 34-36 Quang Trung, quận Hải Châu, thành phố Đ (*Giấy ủy quyền số 65/GUQ-OCB.20 ngày 26/6/2020 của Giám đốc Trung tâm bán lẻ Ngân*

*hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh T1).*

- **Bị đơn:** Ông **Ngô Văn H1**- Sinh năm 1984 và bà **Nguyễn Thị Thùy N** - Sinh năm 1985; Cùng địa chỉ: Số 33 đường H2 4, tổ 248, phường H3, quận L, thành phố Đ.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Từ ngày 16 tháng 9 năm 2020 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020, ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thùy N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tính đến ngày 09 tháng 9 năm 2020 là:

2.1.1. Thanh toán đối với Hợp đồng tín dụng số 0143/2019/PLC/HĐTD ngày 16 tháng 3 năm 2019: Nợ gốc: 2.300.000.000 đồng (Hai tỷ ba trăm triệu đồng); Nợ lãi trong hạn: 168.295.898 đồng (Một trăm sáu mươi tám triệu hai trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi tám đồng); Nợ lãi quá hạn: 7.435.062 đồng (Bảy triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn không trăm sáu mươi hai đồng); Tổng cộng cả gốc và lãi là: 2.475.730.960 đồng (Hai tỷ bốn trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm ba mươi nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

2.1.2. Thanh toán đối với Hợp đồng tín dụng số 0306/2019/HĐTD-OCB-CN ngày 19 tháng 6 năm 2019: Nợ gốc: 1.111.600.000 đồng (Một tỷ một trăm mười một triệu sáu trăm nghìn đồng); Nợ lãi trong hạn: 62.873.930 đồng (Sáu mươi hai triệu tám trăm bảy mươi ba nghìn chín trăm ba mươi đồng); Nợ lãi quá hạn: 2.556.242 đồng (Hai triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm bốn mươi hai đồng); Tổng cộng cả gốc và lãi là: 1.177.030.172 đồng (Một tỷ một trăm bảy mươi bảy triệu không trăm ba mươi nghìn một trăm bảy mươi hai đồng).

Như vậy, từ ngày 16 tháng 9 năm 2020 đến ngày 15 tháng 12 năm 2020, ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thùy N phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P cả 02 Hợp đồng tín dụng nêu tại mục 2.1.1 và mục 2.1.2 của Q định này số tiền tính đến ngày 09 tháng 9 năm 2020 như sau:

Thanh toán nợ gốc: 3.441.600.000 đồng (Ba tỷ bốn trăm bốn mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Thanh toán nợ lãi trong hạn: 231.169.828 đồng (Hai trăm ba mươi một triệu một trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm hai mươi tám đồng).

Thanh toán nợ lãi quá hạn: 9.991.304 đồng (Chín triệu chín trăm chín mươi một nghìn ba trăm linh bốn đồng).

Tổng cộng thanh toán cả gốc và lãi cả 02 Hợp đồng tín dụng là: **3.652.761.132 đồng (Ba tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn một trăm ba mươi hai đồng).**

2.2. Kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2020, ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thùy N còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 0143/2019/PLC/HĐTD ngày 16 tháng 3 năm 2019 và Hợp đồng tín dụng số 0306/2019/HĐTD-OCB-CN ngày 19 tháng 6 năm 2019

giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần P - Chi nhánh T1 với ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thùy N cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thùy N phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo Q định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3. 2.3. Trường hợp ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thùy N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì xử lý phát mãi tài sản thế chấp là thửa đất số 49, tờ bản đồ số 127 tọa lạc tại số 33 đường H2 4, tổ 248, phường H3, quận L, thành phố Đ (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 657101, số vào sổ cấp GCN: CTs 153050 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 09/3/2018), và thửa đất số 282, tờ bản đồ số 245 tọa lạc tại tổ 42, phường Hòa Khánh Nam, quận L, thành phố Đ (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 686191, số vào sổ cấp GCN: CTs 161707 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/6/2018) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P theo Hợp đồng thế chấp số 0143/2019/PLC/HĐTC ngày 16 tháng 3 năm 2019 và Hợp đồng thế chấp số 0306/2019/PLC/HĐTC ngày 19 tháng 6 năm 2019 để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thùy N.

2.4. Trường hợp ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thùy N thanh toán xong nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần P có nghĩa vụ trả lại cho ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thùy N bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 657101, số vào sổ cấp GCN: CTs 153050 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 09 tháng 3 năm 2018 và bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 686191, số vào sổ cấp GCN: CTs 161707 do Sở Tài Nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12 tháng 6 năm 2018.

2.5. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 52.527.611 đồng (Năm mươi hai triệu năm trăm hai mươi bảy nghìn sáu trăm mười một đồng) (đã giảm 50%) ông Ngô Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thùy N chịu.

2.6. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần P số tiền tạm ứng án phí 51.918.888 đồng (Năm mươi một triệu chín trăm mười tám nghìn tám trăm tám mươi tám đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0004568 ngày 14 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L.

2.7. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ đối với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 49, tờ bản đồ số 127 tọa lạc tại số 33 đường H2

4, tổ 248, phường H3, quận L, thành phố Đ và tại thửa đất số 282, tờ bản đồ số 245 tọa lạc tại tổ 42, phường Hòa Khánh Nam, quận L, thành phố Đ là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), Ngân hàng Thương mại cổ phần P chịu (đã nộp và đã chi xong).

3. Q định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Q định này được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07, 07a và 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND Q.L;
- Chi cục Thi hành án DS Q L
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Phạm Thị Xuân Hương**